

Bản án số: 68/2020/DS-ST.  
Ngày: 09/12/2020.  
*Tranh chấp về thừa kế di sản.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Thạch Thị Lan Nhung.

+ Bà Ngô Thị Luân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2020/TLST-DS ngày 01/6/2020 về việc “*Tranh chấp về di sản thừa kế*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXX ST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 và thông báo hoãn phiên tòa số 04/2020/TB-TA ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1947

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**2. Đồng bị đơn:** Ông Lê Văn Kh, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Lê Văn H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lê Văn H1, sinh năm: 1966

- Vợ chồng anh Lê Văn C, sinh năm: 1989.

Chị Hoàng Thị H1, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*(Tại phiên tòa bà B, ông H1, ông Kh, ông H, anh C có mặt, chị H1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:* Bà và ông Lê Văn N xây dựng gia đình với nhau năm 1965, quá trình chung sống bà và ông N có 03 người con chung gồm Lê Văn H1, sinh năm: 1966; Lê Văn Kh, sinh năm: 1977 và Lê Văn H, sinh năm: 1980, bà và ông N không có con riêng và không nhận ai làm con nuôi. Hiện nay bố, mẹ của ông N cũng đã chết.

Quá trình chung sống bà và ông N tạo lập được tài sản chung gồm:

Diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông N. Trên đất có một căn nhà xây cấp bốn.

Diện tích đất 651m<sup>2</sup> thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bà và ông N. Trên đất có hai căn nhà xây cấp bốn. Trong diện tích đất này có 16m chiều ngang mặt đường liên thôn. Năm 2017 ông N chết không để lại di chúc nên bà có cho cháu bà là Lê Văn C (là con ông Lê Văn H1) 07m đất chiều ngang để làm nhà ở và tiện chăm sóc bà..

Quá trình sử dụng tài sản thì các con bà là Lê Văn Kh, Lê Văn H không đồng ý ký giấy tờ sang tên cho bà mà còn chửi bới, đối xử tệ bạc với bà. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản phần của ông N để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà B không trình bày và yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn ông Lê Văn Kh trình bày:* Ông là con trai của ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị B. Bố mẹ ông chung sống với nhau có 03 người con là Lê Văn H1, sinh năm: 1966; Lê Văn Kh, sinh năm: 1977 và Lê Văn H, sinh năm: 1980. Ngoài ra bố mẹ ông không còn người có con riêng, con nuôi nào khác. Hiện nay ông, bà nội ông đều đã chết.

Quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo lập được tài sản chung gồm:

Diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một chòi xây tạm do mẹ ông xây dựng.

Diện tích đất 651m<sup>2</sup> thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 do bố mẹ ông xây và mẹ ông đang sử dụng làm nhà ở. Năm 2017 bố ông chết được 04 tháng không để lại di chúc thì bà B có cho cháu Lê Văn C (con trai anh Lê Văn H1) đến ở và xây một căn nhà cấp bốn. Khi cháu Cường xây anh em ông không đồng ý nhưng đó là ý mẹ ông nên ông không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông không còn tài sản chung nào khác.

Năm 2019 mẹ ông yêu cầu anh em ông phải ký giấy ủy quyền cho mẹ ông

đứng tên 02 thửa đất trên, để mẹ ông muốn cho ai thì cho thì anh em ông không đồng ý.

Nay mẹ ông yêu cầu chia di sản thừa kế bố ông để lại thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn ông Lê Văn H trình bày:* Ông là con trai ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị B. Bố mẹ ông chung sống với nhau có 03 người con là Lê Văn H1, sinh năm: 1966; Lê Văn Kh, sinh năm: 1977 và Lê Văn H, sinh năm: 1980. Ngoài ra bố mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác. Hiện nay ông bà nội ông đều đã chết.

Quá trình chung sống bố mẹ ông có tạo lập được tài sản chung gồm:

Diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thuộc thửa 114, tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một chòi xây tạm do mẹ ông xây dựng. Khoảng năm 2015 bố ông có cho anh trai ông là Lê Văn Kh làm sản lượng trên thửa đất này, đến năm 2017 bố ông chết không để lại di chúc được bốn tháng thì ông Kh có chia cho ông ½ thửa đất để làm lấy sản lượng. Hiện nay anh em ông đã trả lại thửa đất này cho mẹ ông sử dụng.

Diện tích đất 651m<sup>2</sup> thuộc thửa 252, tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được cấp quyền sử dụng đất đứng tên bố mẹ ông. Trên đất có một căn nhà xây cấp bốn do bố mẹ ông xây và mẹ ông đang sử dụng làm nhà ở. Năm 2017 bố ông chết không để lại di chúc được bốn tháng thì mẹ ông có cho cháu Lê Văn C (con trai anh Lê Văn H1) đến ở và xây một căn nhà cấp bốn. Khi cháu Cường xây anh em ông không đồng ý nhưng đó là ý của mẹ ông nên ông không có ý kiến gì. Ngoài ra bố mẹ ông không còn tài sản chung nào khác.

Năm 2019 mẹ ông yêu cầu anh em ông phải ký giấy ủy quyền cho mẹ ông đứng tên 02 thửa đất trên để mẹ ông muốn cho ai thì cho nên anh em ông không đồng ý. Mẹ ông lại nghe theo lời người ngoài nên đi khởi kiện anh em ông để chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của bố ông để lại theo quy định của pháp luật. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H1 trình bày:* Qua lời trình bày của mẹ tôi là bà B và lời trình bày của ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H là đúng. Nay bà B khởi kiện chia di sản của bố ông là ông Lê Văn N để lại theo quy định của pháp luật, ông không yêu cầu chia phần di sản của bố ông. Ông đề nghị giao phần di sản của ông cho bà B toàn quyền định đoạt. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Lê Văn C trình bày:* Năm 2018 bà nội anh là Nguyễn Thị B có cho vợ chồng anh 07m đất chiều rộng theo trục đường thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà có chiều dài hết thửa đất thuộc

một phần thửa 252, tờ bản đồ 40 xã Liên Hà để tiện chăm sóc bà. Vợ chồng anh đã xây dựng một căn nhà xây cấp bốn kiên cố trên diện tích đất trên và ở ổn định từ năm 2018 đến nay. Nay giữa bà B và ông Kh, ông H tranh chấp thừa kế tài sản phần của ông nội anh để lại thì vợ chồng anh yêu cầu duy trì việc tặng cho quyền sử dụng một phần diện tích đất thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà giữa bà B với vợ chồng anh. Phần di sản bà B phải thanh toán cho ông Kh, ông H nếu sau này bà anh không thanh toán được thì vợ chồng anh sẽ hỗ trợ cho bà B. Vì vậy, vợ chồng anh yêu cầu duy trì việc tặng cho để giao cho vợ chồng anh căn nhà và diện tích đất nêu trên. Ngoài ra vợ chồng anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng do đồng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử; Thư ký; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của cụ bà Nguyễn Thị B, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1.

Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 378m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kèm 91m<sup>2</sup> sử dụng kèm theo công trình phụ và cây ăn trái. Tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và diện tích đất 5.874,5m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất có 01 căn nhà cấp 4c có 20 m<sup>2</sup> sử dụng; 01 giếng đào; 04 cây sầu riêng và cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh (trong đó có 150 m<sup>2</sup> đất ở, 5.724,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Duy trì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà: Giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1. Giao cho vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kèm 165m<sup>2</sup> sử dụng kèm theo công trình phụ xây dựng năm 2017 thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40. Tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Chia cho ông Lê Văn Kh được quyền sử dụng là: 995,75m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh ( trong đó có 25 m<sup>2</sup> đất ở và 970,75 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng là: 995,75 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh (trong đó có 25 m<sup>2</sup> đất ở và 970,75 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) Tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H, vợ chồng anh C, chị H1, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biên động quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản.

- Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự cho bà B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bà B, ông H1, ông Kh, ông H, anh C có mặt, chị H1 vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị H1 là phù hợp.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Do đó, ông Lê Văn N chết ngày 06/7/2017 và đến ngày 11/3/2020 bà Nguyễn Thị B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông Lê Văn N chết để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B cho rằng: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn N chung sống với nhau từ năm 1965 đã tạo dựng được khối tài sản gồm; diện tích đất 651m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 và diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà và tài sản gắn liền trên đất, đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N bà Nguyễn Thị B vào năm 2005 và năm 2008. Đến năm 2017 ông ông N chết không để lại di chúc, bà B vẫn quản lý, canh tác hai thửa đất này. Đến năm 2019 bà B yêu cầu ông Kh, ông H làm thủ tục cho bà đứng tên trên giấy CNQSD đất đối với hai thửa đất này nhưng ông Kh, ông H không chấp nhận. Do vậy bà Nguyễn Thị B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia ½ phần di sản củ ông Lê Văn N chết để lại không có di chúc cho hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Vì vậy,

căn cứ khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xác định đây là vụ án dân sự về: “*Tranh chấp thừa kế di sản*” là phù hợp. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và ý kiến tranh luận của đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng:

Ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 1965, sinh hạ được 03 người con gồm: Ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H. Ngoài ra vợ chồng ông N, bà B không có con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay bố, mẹ nuôi, bố mẹ đẻ ông N đều đã chết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia  $\frac{1}{2}$  khối di sản của ông Lê Văn N (chết) để lại cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà B, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Kh và ông Lê Văn H theo quy định của pháp luật.

Di sản để lại gồm có: Diện tích đất 651m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 lợp mái lợp tôn kềm 91m<sup>2</sup> sử dụng, tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N bà Nguyễn Thị B vào năm 2005. Diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4c, 20m<sup>2</sup> sử dụng, 01 giếng đào, diện tích đất còn lại trồng cây cà phê, cây ăn trái, tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N bà Nguyễn Thị B vào năm 2008. Hiện nay hai thửa đất và tài sản gắn liền với đất bà B đang quản lý, canh tác.

Đối với đồng bị đơn ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H yêu cầu chia phần di sản ông Lê Văn N chết để lại bằng quyền sử dụng đất cho hai ông đối với diện tích đất 651m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đối với căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kềm 91m<sup>2</sup> sử dụng, kèm theo công trình phụ và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và cây ăn trái ông Kh, ông H không yêu cầu chia mà hai ông tự nguyện giao lại cho bà B quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất 8050m<sup>2</sup> thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4c, 20m<sup>2</sup> sử dụng, 01 giếng đào, diện tích đất còn lại trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, ông Kh, ông H yêu cầu chia bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với căn nhà cấp 4c và 01 giếng đào hai ông không yêu chia mà tự nguyện giao cho bà B quản lý sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 từ chối nhận kỷ phần di sản của cụ ông N chết để lại gồm; giá trị quyền sử dụng đất thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà và một phần diện tích đất thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà, huyện Lâm Hà. Ông đề nghị Tòa án giao kỷ phần di sản của ông được chia cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị B được quyền định đoạt.

Đối với người có liên quan vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 yêu cầu duy trì hợp đồng tặng cho một phần diện tích đất thuộc thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, giữa vợ chồng anh chị với bà Nguyễn Thị B.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử xác định: Khối di sản là diện tích đất theo kết quả thẩm định là 542m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 và diện tích đất theo kết quả thẩm định là 7966m<sup>2</sup> thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà và tài sản gắn liền với đất là do ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị B tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân, đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005 và năm 2008. Trong thời gian còn sống ông N, bà B chưa phân chia, chưa làm thủ tục tặng cho, thừa kế cho bất kỳ một người con nào đối với khối di sản này. Đến năm 2017 ông Lê Văn N chết không để lại di chúc; Như vậy xác định  $\frac{1}{2}$  di sản ông Lê Văn N (chết) để lại là bất động sản để chia cho hàng thừa kế thứ nhất. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B là hoàn toàn phù hợp đúng qui định của pháp luật.

Đối với di sản là diện tích đất theo kết quả thẩm định là 542m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp mái lợp tôn kẽm 91m<sup>2</sup> sử dụng, tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đến ngày 30/8/2005 vợ chồng cụ Bầm đã được UBND huyện cấp giấy CNQSD đất thuộc hạng đất trồng cây lâu năm. Sau khi ông Lê Văn N chết, năm 2017 bà B cho vợ chồng anh Lê Văn C (cháu nội) xây dựng 01 căn nhà kiên cố có diện tích 165m<sup>2</sup> sử dụng thuộc một phần thửa đất 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà để chăm sóc cụ Bầm. Nếu buộc vợ chồng anh C chị H1 tháo dỡ, di dời căn nhà đã xây dựng trên để chia bằng quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế theo yêu cầu của ông Kh, ông H sẽ làm thiệt hại đến kinh tế cũng như đời sống, sinh hoạt của vợ chồng anh C, chị H1. Hơn nữa theo Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Lâm Đồng quy định về diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với đất quy hoạch đất nông nghiệp là 500m<sup>2</sup>. Do vậy, cần giao một phần diện tích đất thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây kèm theo công trình phụ và cây ăn trái, tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà cho bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng và định đoạt là hoàn toàn có cơ sở.

Diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 542m<sup>2</sup> : 2 người = 271m<sup>2</sup>/người x giá 1.150.000đ/m<sup>2</sup> = 311.650.000đồng : 4 người =

77.912.500đồng/người. Như vậy, kỷ phần di sản mỗi người được hưởng về giá trị quyền sử dụng đất là: 77.912.500đồng. Do vậy cần buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Văn Kh số tiền là: 77.912.500đồng; ông Lê Văn H số tiền là: 77.912.500đồng là phù hợp.

Đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 7966m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở ) thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4c, 20m<sup>2</sup> sử dụng, 01 giếng đào, diện tích đất còn lại trồng cây cà phê, cây ăn trái, tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị B vào năm 2008. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà B yêu cầu chia kỷ ½ di sản của ông N để lại cho hàng thừa kế thứ nhất bằng quyền sử dụng đất thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà. Xét yêu cầu của bà B là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên cần ghi nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B, chia một ½ khối di sản là quyền sử dụng đất của cụ Nền để lại cho hàng thừa kế thứ nhất gồm có: Bà B, ông H1, ông Kh, ông H.

Đối với đồng bị đơn ông H, ông Kh cũng chấp nhận yêu cầu của bà B về việc chia ½ di sản của ông N để lại cho hàng thừa kế thứ nhất bằng quyền sử dụng đất thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu ông Kh, ông H là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật; do vậy chia ½ di sản của ông N cho bà B, ông H1, ông Kh, ông H bằng quyền sử dụng đất là có căn cứ nên cần ghi nhận.

Chia ½ kỷ phần bằng quyền sử dụng đất cho hàng thừa kế thứ nhất của ông N như sau: Diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở : 2 người = 100m<sup>2</sup> /người : 4 người = 25 m<sup>2</sup>/người. Như vậy mỗi người được chia 25 m<sup>2</sup> đất ở thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ 43 xã Liên Hà, huyện Lâm Hà. Giá trị thành tiền là 25 m<sup>2</sup> đất ở x 250.000đồng/m<sup>2</sup> = 6.250.000đ/người;

Diện tích 7766m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm : 2 người = 3.883m<sup>2</sup> : 04 người = 970,75m<sup>2</sup>/người. Như vậy mỗi người được chia 970.75m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 tọa lạc thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà là đúng quy định của pháp luật.

- Diện tích 7766m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm có giá là 90.000đ/m<sup>2</sup> ;

- Diện tích 970,75 m<sup>2</sup> đất trồng CLN x 90.000đ/m<sup>2</sup> = 87.367.500đ/người.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1 thừa nhận: Diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 542m<sup>2</sup> thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm, 91m<sup>2</sup> sử dụng, tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà và diện tích đất theo kết quả đo đạc thẩm định là 7966 m<sup>2</sup> ( trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở ) thuộc thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã



Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4c, 20m<sup>2</sup> sử dụng, 01 giếng đào, diện tích còn lại trồng cây cà phê, cây ăn trái, tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị B vào năm 2005 và năm 2008 là tài sản của ông N và bà B tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân như nguyên đơn bà B, đồng bị đơn ông Kh, ông H trình bày là đúng. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên Tòa hôm nay ông Lê Văn H1 từ chối nhận kỷ phần di sản của ông Lê Văn N để lại và ông H1 tự nguyện giao toàn bộ kỷ phần di sản của ông được chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền định đoạt. Xét thấy: Ông Lê Văn H1 từ chối nhận phần di sản ông được chia và tự nguyện giao phần di sản cho bà Nguyễn Thị B định đoạt là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, đúng quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Giao giá trị một phần quyền sử dụng đất thửa 252 tờ bản đồ số 40 và diện tích đất là 995,75m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà cho bà Nguyễn Thị B nên cần ghi nhận.

Đối với người có nghĩa vụ liên quan vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Yêu cầu Tòa án duy trì việc tặng cho quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà mà bà B đã cho vợ chồng anh, chị xây dựng căn nhà kiên cố 165m<sup>2</sup> sử dụng vào năm 2017 để chăm sóc bà B khi đau ốm. Xét yêu cầu của vợ chồng anh C, chị H1 là hoàn toàn có cơ sở. Bởi lẽ diện tích đất thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N bà Nguyễn Thị B vào năm 2005 là thuộc đất trồng cây hàng năm, không đủ điều kiện để tách thửa để chia bằng quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, sau khi ông Lê Văn N chết, bà Nguyễn Thị B sinh sống một mình, đến năm 2017 bà B cho vợ chồng anh C, chị H1 xây dựng 01 căn nhà kiên cố trên một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, đồng thừa kế di sản của ông N không có ý kiến gì và cũng không ngăn cản việc vợ chồng anh, chị xây dựng căn nhà ở này. Hiện nay anh C, chị H1 xây dựng căn nhà kiên cố trên một phần thửa đất 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà không thể tháo dỡ, di dời căn nhà xây này. Cần chấp nhận yêu cầu độc lập của vợ chồng anh C, chị H1, giao cho anh C, chị H1 diện tích đất 165m<sup>2</sup> và căn nhà xây kiên cố thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy CNQSD đất mang tên ông Lê Văn N bà Nguyễn Thị B vào ngày 30/8/2005. (Về giá trị tài sản diện tích đất 165m<sup>2</sup> x 1.150.000đ/m<sup>2</sup> = 189.750.000đ x 5% = 9.487.500đ).

[5] *Về chi phí tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá nên bà B đã nộp chi phí tố tụng là 5.425.000đồng. Xét thấy, việc đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là cần

thiết cho việc giải quyết vụ án, đã được quyết toán xong. Do yêu cầu của bà B chấp nhận bên buộc đồng thừa kế phải chịu tiền chi phí tố tụng trên theo kỷ phần được nhận.

[6] *Về án phí*: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị di sản được chia theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên hiện nay bà Nguyễn Thị B đã 74 tuổi là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà B là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 165 Điều 203, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 649, 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị B, về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật.

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất 378m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà, trên đất có 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm 91m<sup>2</sup> sử dụng kèm theo công trình phụ và cây ăn trái. Tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

1.2. Duy trì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40 xã Liên Hà: Giữa bà Nguyễn Thị B với vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1. Giao cho vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 01 căn nhà xây cấp 4 mái lợp tôn kẽm 165m<sup>2</sup> sử dụng kèm theo công trình phụ xây dựng năm 2017 thuộc một phần thửa 252 tờ bản đồ số 40, xã Liên Hà. Tọa lạc tại thôn Liên Hà 2, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho ông Lê Văn Kh số tiền là: 77.912.500đồng (*Bảy mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*); ông Lê Văn H số tiền là: 77.912.500đồng (*Bảy mươi bảy triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.*

1.4. Chia cho bà Nguyễn Thị B được quyền sử dụng diện tích đất là 5.874,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất có 01 căn nhà cấp 4c có 20m<sup>2</sup> sử dụng; 01 giếng đào; 04 cây sầu riêng và cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh (trong đó có 150 m<sup>2</sup> đất ở, 5.724,5 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường liên thôn chiều rộng 52m (*Năm hai*); phía tây giáp thửa 79 chiều rộng 50m (*Năm mươi*); phía nam giáp thửa 81; 82 99 tờ bản đồ số 43 xã Liên Hà; phía bắc giáp đất ông H. Tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

1.5. Chia cho ông Lê Văn Kh được quyền sử dụng diện tích đất là 995,75m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh ( trong đó có 25 m<sup>2</sup> đất ở và 970,75 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường liên thôn chiều rộng 09m (*Chín*); phía tây giáp thửa 79 chiều rộng 10m (*Mười*); phía nam giáp đất ông H; phía bắc giáp thửa 221 tờ bản đồ số 43. Tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

1.6. Chia cho ông Lê Văn H được quyền sử dụng diện tích đất là 995,75 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 114 tờ bản đồ số 43 trên đất đã trồng cây cà phê Rôbusta thời kì kinh doanh (trong đó có 25 m<sup>2</sup> đất ở và 970,75 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường liên thôn chiều rộng 09m (*Chín*); phía tây giáp thửa 79 chiều rộng 10m (*Mười*); phía nam giáp đất bà B; phía bắc giáp đất ông Kh. Tọa lạc tại thôn Thạch Hà, xã Liên Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (*Kèm theo trích lục các thửa đất*).

- Bà Nguyễn Thị B, ông Lê Văn Kh, ông Lê Văn H, vợ chồng anh C, chị H1, có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chỉnh lý biên độ quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Văn Kh phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 1.356.000đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*). Buộc ông Lê Văn H phải thanh toán cho cụ Nguyễn Thị B số tiền là 1.356.000đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

- Về án phí: Buộc ông Lê Văn Kh phải nộp 8.576.500đồng (*Tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Lê

Văn H phải nộp 8.576.500đồng (*Tám triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc vợ chồng anh Lê Văn C, chị Hoàng Thị H1 phải nộp 9.487.500đồng (*Chín triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đồng anh C, chị H1 đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007660 ngày 09/9/2020 của Chi cục Thi hành Án dân sự huyện Lâm Hà. Vợ chồng anh C, chị H1 còn phải nộp 9.187.500đồng (*Chín triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị B.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/12/2020) đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thái Sơn**